ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 06 /PA-UBND	*Gia Lai, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

PHƯƠNG ÁN
Tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố[1] của tỉnh Gia Lai được xây dựng trên cơ sở các căn cứ chính trị, pháp lý sau:

1. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

3. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố[2];

---

[1] Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định: Thôn, làng, bản, buôn… (**gọi chung là thôn**); tổ dân phố, khu phố, khối phố,... (**gọi chung là tổ dân phố**).

[2] - Tại khoản 3 Điều 8 quy định: "*Thực hiện **sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố khi chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định** của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư";*

- Tại khoản 1, Điều 12 quy định*: "Căn cứ nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định này và **hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**, Ủy ban nhân*

4. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố[3];

5. Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026.

II. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

1. Về số lượng thôn, tổ dân phố

Sau sắp xếp, tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên 21.576,53 km², với 80,485 km đường biên giới trên đất liền tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, khoảng 134 km đường bờ biển, dân số 3.625.012 người[4], trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 23,98% dân số toàn tỉnh, tập trung chủ yếu là các dân tộc: Jrai, Bahnar, Chăm, H'rê. Toàn tỉnh có 135 xã, phường (gồm 110 xã và 25 phường), có **2.693 thôn, tổ dân phố (**trong đó có 2.041 thôn và 652 tổ dân phố). Tổng số hộ gia đình là **881.520 hộ** (bình quân có 327 hộ gia đình/thôn, tổ dân phố).

Trong giai đoạn 2026 - 2030, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có **1.751 thôn** vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 608 thôn đặc biệt khó khăn; 93 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bao gồm: 07 xã khu vực I, 13 xã khu vực II, 73 xã khu vực III[5].

Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định 185/2026/NĐ-CP về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố; hiện trạng các thôn, tổ dân phố đạt và chưa đạt chuẩn theo quy mô số hộ gia đình (đến tháng 5/2026) như sau:

- Số thôn, tổ dân phố **đạt tiêu chuẩn** theo quy định về quy mô số hộ gia đình là **995 thôn, tổ dân phố**, **chiếm khoảng 36,95%** *(trong đó có 728 thôn và 267 tổ dân phố);*

- Số thôn, tổ dân phố **chưa đạt tiêu chuẩn** về quy mô số hộ gia đình là **1.698 thôn, tổ dân phố, chiếm khoảng 63,05%** *(trong đó có 1.313 thôn và 385 tổ dân phố).*

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

Nhìn chung, số lượng đầu mối thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh khá lớn, phân bố trên địa bàn rộng, đa dạng về điều kiện tự nhiên, dân cư, văn hóa, đô thị, miền núi, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc duy trì số lượng lớn thôn, tổ dân phố trong bối cảnh chính quyền địa phương 02 cấp làm tăng áp lực quản lý đối với chính quyền cấp xã, làm phân tán nguồn lực cán bộ cơ sở, phát sinh chi phí phụ cấp, hỗ trợ hoạt động, quản lý hồ sơ, dữ liệu dân cư, an ninh trật tự và

---

dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định".

[3] Điểm a, khoản 4, mục II yêu cầu: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương tổ chức rà soát toàn bộ thôn, tổ dân phố trên địa bàn; xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố (trong đó bao gồm phương án kiện toàn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp và chính sách hỗ trợ theo quy định; đồng thời giải quyết chế độ, chính sách cho người không tiếp tục tham gia hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố*)*, báo cáo cấp ủy cùng cấp trước khi ban hành; **hoàn thành trước ngày 10/6/2026**.

[4] Số liệu tính đến ngày 31/12/2025 (theo Văn bản số 283/CAT-PC06 - 14/01/2026 của Công an tỉnh).

[5] Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.

tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Một số thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ thấp hơn tiêu chuẩn quy định; một số địa bàn có ranh giới xen kẽ, tên gọi trùng lặp, địa bàn quản lý không còn phù hợp sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Về đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân 02 tỉnh trước sắp xếp[6], cụ thể như sau:

a) Về số lượng, chức danh

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được bố trí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh **là 8.079 người** *(gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn/tổ dân phố; Trưởng ban Công tác mặt trận);*

- Số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là **14.342 người** *(gồm các chức danh: Phó Bí thư Chi bộ[7], Phó Trưởng thôn/Tổ phó tổ dân phố; Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).*

b) Về mức phụ cấp, kinh phí

- Các đối tượng này đang được hưởng phụ cấp hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp).

- Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước chi trả phụ cấp và thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh **khoảng 735 tỷ đồng/năm** *(trong đó: chi cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố khoảng **435 tỷ đồng/năm;** chi cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khoảng **300 tỷ đồng/năm**).*

Nhìn chung, việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện đảm bảo theo các quy định hiện hành và điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, cơ bản đáp ứng yêu cầu cho hoạt động ở cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy chế độ, chính sách đối với đội ngũ này chưa thực sự phù hợp với quy mô, tính chất địa bàn dân cư, thôn, tổ dân phố; ngân sách nhà nước để chi trả phụ cấp và chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách và những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hàng năm rất lớn; đồng thời, trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tính chất công việc ở cơ sở có nhiều thay đổi theo hướng tăng khối lượng,

---

[6] Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh.

[7] Gồm 77 xã, phường thuộc tỉnh Gia Lai trước đây; 58 xã thuộc tỉnh Bình Định không bố trí chức danh này.

mở rộng phạm vi và yêu cầu cao hơn về chất lượng, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, đặt ra yêu cầu cần phải rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gắn với quy định về số lượng chức danh, mức phụ cấp để bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất công việc và yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới; phù hợp với chủ trương của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Từ những yêu cầu nêu trên, việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tỉnh Gia Lai năm 2026 là cần thiết, cấp bách, nhằm cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương, đáp ứng yêu cầu tinh gọn tổ chức, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở, đồng thời tạo cơ sở thống nhất để các xã, phường xây dựng đề án chi tiết và tổ chức thực hiện.

Phần II
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ TỈNH GIA LAI

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Mục tiêu

- Sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn đầu mối, tăng quy mô hợp lý, giảm số lượng thôn, tổ dân phố và số người hoạt động không chuyên trách, góp phần giảm chi ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; đồng thời bảo đảm thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã, nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở và chất lượng hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư.

- Định hướng chung toàn tỉnh giảm khoảng 40% - 45% số thôn, tổ dân phố so với số lượng hiện nay; trong đó, đối với phường giảm khoảng 50% - 55%; đối với xã đồng bằng, nơi có mật độ dân cư cao, điều kiện kinh tế - xã hội và hạ tầng phát triển giảm khoảng 40% - 45%; đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giảm khoảng 30% - 35%.

2. Quan điểm và nguyên tắc

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

- Khuyến khích các địa phương đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cao hơn tỷ lệ giảm theo định hướng, nhằm tinh gọn đầu mối, tăng quy mô hợp lý, giảm mạnh số lượng thôn, tổ dân phố và số người hoạt động không chuyên trách, góp phần giảm chi ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Đối với địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; các khu vực có địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân tán hoặc có yêu cầu đặc biệt về quốc phòng, an ninh mà chưa thể sắp

xếp, tổ chức lại thì cần thể hiện rõ tại phương án sắp xếp của các địa phương.

- Không thực hiện việc chia tách 01 thôn, tổ dân phố thành nhiều cụm dân cư để sắp xếp, tổ chức lại thành thôn, tổ dân phố mới, trừ trường hợp cần thiết nhằm giải quyết bất hợp lý về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý thực tế và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân tại địa phương.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải gắn với kiện toàn tổ chức trong hệ thống chính trị ở thôn, tổ dân phố; cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; đồng thời sử dụng hợp lý cơ sở vật chất, nhà sinh hoạt cộng đồng, thiết chế văn hóa ở cơ sở, bảo đảm điều kiện hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư sau sắp xếp, tránh lãng phí, hình thức.

- Về việc đặt tên thôn, tổ dân phố: Tùy theo tình hình cụ thể tại địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định việc đặt tên thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sắp xếp đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở một số nguyên tắc sau:

(1) Tên mới phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương;

(2) Khuyến khích giữ gìn các địa danh truyền thống, các tên gọi đã gắn bó, quen thuộc và ổn định lâu dài với cộng đồng dân cư;

(3) Trường hợp hợp nhất, tổ chức lại: Ưu tiên giữ lại tên gọi của thôn, tổ dân phố có quy mô dân số lớn hơn, có lịch sử hình thành lâu đời hoặc có giá trị văn hóa đặc biệt.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Trên cơ sở Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; 135/135 Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh đã xây dựng phương án sắp xếp các thôn, tổ dân phố trên địa bàn quản lý.

2. Kết quả tổng hợp phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố

Kết quả tổng hợp từ các địa phương, toàn tỉnh thực hiện sắp xếp từ **2.693** thôn, tổ dân phố còn **1.400** thôn, tổ dân phố; giảm **1.293** thôn, tổ dân phố *(trong đó giảm 907 thôn; giảm 386 tổ dân phố)*. Cụ thể như sau:

a) Về tỷ lệ giảm

- Sau sắp xếp, toàn tỉnh giảm **48,01%** số thôn, tổ dân phố. Trong đó, tỷ lệ giảm đối với các phường là 55,34%; các xã đồng bằng, nơi có mật độ dân cư cao giảm 48,23%; các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giảm 43,29%.

- **135/135** xã, phường đều thực hiện sắp xếp, giảm số thôn, tổ dân phố theo kế hoạch của tỉnh; thấp nhất là giảm 01 đơn vị, nhiều nhất là 41 đơn vị. Xã, phường có quy mô số lượng thôn, tổ dân phố nhiều nhất là 29 thôn (xã Chư Sê), thấp nhất là 02 thôn (xã Nhơn Châu).

- Có **24** địa phương có tỷ lệ giảm từ 55% trở lên[8], địa phương có số lượng thôn, tổ dân phố giảm nhiều nhất là **Phường Quy Nhơn,** giảm 41/63 tổ dân phố, đạt tỷ lệ 65,08%; **phường Pleiku** giảm 23/40 tổ dân phố, đạt 57,50%.

- Có **09** địa phương có tỷ lệ giảm dưới mức 30%[9], thấp nhất là xã **Ia Dom** (giảm 1/7 thôn, tỷ lệ 14,29%).

b) Về tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình

- Có **1.262** thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, chiếm ***90,14***%.

- Có **138** thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định, chiếm **9,86**%. Trong đó:

(1) Có **62** thôn thực hiện sắp xếp nhưng vẫn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

**** Nguyên nhân:*** Qua báo cáo giải trình của các địa phương cho thấy, các thôn, làng này đều thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; sinh sống tại các khu vực miền núi, địa bàn rộng, địa hình chia cắt, đồi núi, dân cư phân tán; giao thông kết nối giữa các cụm dân cư hết sức khó khăn; khoảng cách với thôn liền kề từ 7 km trở lên; bên cạnh đó, một số thôn, làng giáp với biên giới Campuchia, có đặc điểm riêng, khác biệt về lịch sử hình thành… nên việc sắp xếp chưa đảm bảo quy mô hộ gia đình theo quy định.

(2) Có **76** thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình theo quy định nhưng không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù ***(chi tiết tại Phụ lục 4).***

c) Về loại hình tổ chức

Sau sắp xếp, toàn tỉnh có ***266 tổ dân phố*** và ***1.134 thôn*** *(trong đó: có 744 thôn; 390 Làng, Bôn, Buôn, Plơi, Plei, Phăm).*

d) Về quy mô:

- Thôn có quy mô 700 hộ gia đình trở lên là: **230 thôn.** Thôn có quy mô số hộ gia đình lớn nhất là Thôn Vân Hội, xã Tuy Phước (có 2.125 hộ); thôn, làng có quy mô số hộ gia đình nhỏ nhất là Làng Tang, xã Ia Chia (có 42 hộ).

- Tổ dân phố có quy mô 1.000 hộ gia đình trở lên là: **134 tổ dân phố**; trong đó có 8 tổ dân phố có quy mô hơn 2.000 hộ gia đình[10]. Tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình lớn nhất là Tổ dân phố 5, phường Quy Nhơn Bắc (có 2.787 hộ); tổ dân phố có quy mô hộ gia đình nhỏ nhất là Tổ dân phố 3, phường Ayun Pa (có 456 hộ).

- Có **33** thôn, làng có quy mô dưới 200 hộ gia đình; trong đó, có 07 thôn, làng

---

[8] **Xã Bình Dương** (giảm 15/23 thôn, đạt tỷ lệ 65,22%), **phường Quy Nhơn** (giảm 41/63 tổ dân phố, đạt 65,08%), xã **Ia Grai** (giảm 18/28 thôn, làng, đạt tỷ lệ 64,29%), xã **Đak Rong** (giảm 9/14 thôn, làng, đạt tỷ lệ 64,29%), xã **Ia Pia** (giảm 15/24 thôn, làng, đạt tỷ lệ 62,5%), **xã Xuân An** (giảm 11/18 thôn, đạt tỷ lệ 61,11%),…

[9] Gồm: **Ia Dom** (14,29%), **Đak Sơmei** (20%), **Ia Nan** (22,22%), **Ia Dreh** (23,08%), **Ia Pnôn** (25%), **Ia Púch** (25%), **Mang Yang** (26,92%), **Ia Le** (27,78%), **Đức Cơ** (28,57%).

[10] Gồm: **Phường Quy Nhơn** (gồm TDP 18: 2157 hộ; TDP 19: 2237 hộ; TDP 20: 2042 hộ; TDP 21: 2271 hộ), **Phường Quy Nhơn Đông** (TDP 2: 2233 hộ); **Phường Quy Nhơn Tây** (TDP 1: 2233 hộ); **Phường Quy Nhơn Bắc** (TDP 5: 2787 hộ; TDP 6: 2076 hộ).

quy mô số hộ gia đình dưới 100 hộ gia đình[11].

(Chi tiết theo phụ lục 2 và phụ lục 3 đính kèm)

III. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ VÀ GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH TẠI CÁC THÔN, TỔ DÂN PHỐ; NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách tại các thôn, tổ dân phố thực hiện việc sắp xếp

a) Thực trạng: Trên cơ sở tổng hợp của các địa phương, hiện nay tổng số người hoạt động không chuyên trách tại các thôn, tổ dân phố **6.364** người.

b) Dự kiến bố trí lại thôn, tổ dân phố sau sắp xếp là **3.604** người;

c) Số dôi dư dự kiến là **2.760** người.

d) Phương án giải quyết dôi dư: Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng các phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hình thành sau sắp xếp, trong đó ưu tiên bố trí người có kinh nghiệm, đáp ứng các tiêu chuẩn theo định hướng để tiếp tục tham gia các chức danh không chuyên trách còn thiếu ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp không thể tiếp tục bố trí hoặc theo nguyện vọng cá nhân thì xem xét giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP đảm bảo theo quy định.

2. Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động tại các thôn, tổ dân phố thực hiện việc sắp xếp

a) Tổng số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động tại các thôn, tổ dân phố thực hiện việc sắp xếp ước tính là **14.342** người;

b) Dự kiến bố trí lại thôn, tổ dân phố sau sắp xếp là **8.380** người;

c) Số lượng dôi dư dự kiến là **5.962** người;

d) Phương án giải quyết dôi dư: Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng các phương án sắp xếp đối với số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để đảm bảo số lượng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp không thể tiếp tục bố trí được thì Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cho thôi đảm nhiệm nhiệm vụ và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

3. Định hướng bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 03 người; gồm: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi bộ; Trưởng ban Công tác Mặt trận[12]. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định

---

[11] Gồm: **Xã Ia Chia** (Làng Tang); **Xã Vĩnh Sơn** (Thôn O2), **xã Vân Canh** (làng Canh Giao), **xã Cửu An** (làng Pốt), **xã Đak Rong** (Làng Kon Von 2), **Xã An Toàn** (Thôn Hòn Chiêng, Thôn 3).

[12] Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 185/2026/NĐ-CP.

tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 185/2026/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ tiêu chuẩn theo quy định, kết quả sắp xếp thôn, tổ dân phố để xây dựng Phương án nhân sự cụ thể đối với từng thôn, tổ dân phố mới. Phương án phải thể hiện rõ: danh sách người dự kiến tiếp tục bố trí; danh sách người dự kiến thôi đảm nhiệm chức danh; chức danh kiêm nhiệm nếu có; thời điểm bàn giao nhiệm vụ; trách nhiệm quản lý hồ sơ, tài sản, sổ sách, quỹ, hương ước, quy ước và các công việc đang triển khai tại thôn, tổ dân phố cũ.

- Việc lựa chọn, giới thiệu, chỉ định, bầu, miễn nhiệm, công nhận các chức danh ở thôn, tổ dân phố sau sắp xếp phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, ưu tiên lựa chọn người có trình độ, năng lực, uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, có khả năng vận động quần chúng nhân dân, ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo,…; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, có sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền cấp xã và sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đối với chức danh Bí thư Chi bộ thực hiện theo hướng dẫn của cấp ủy có thẩm quyền; đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và Trưởng ban Công tác Mặt trận thực hiện theo quy định của cơ quan Mặt trận có thẩm quyền.

- Trong thời gian chuyển tiếp, các xã, phường phải phân công người phụ trách tạm thời để duy trì hoạt động thường xuyên tại địa bàn, không để khoảng trống trong công tác lãnh đạo, quản lý, tiếp nhận phản ánh của Nhân dân, giữ gìn an ninh, trật tự và tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Việc bàn giao giữa thôn, tổ dân phố cũ và thôn, tổ dân phố mới phải lập biên bản, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện các tổ chức liên quan.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG, SẮP XẾP NHÀ SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG, NHÀ VĂN HÓA

1. Về hiện trạng

- Tổng số khoảng **2.812** nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng.

- Trên cơ sở phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố của từng xã, phường, dự kiến số lượng Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa sau sắp xếp được phân loại như sau:

+ Số cơ sở tiếp tục sử dụng làm điểm sinh hoạt chính của thôn, tổ dân phố mới là **1.400 cơ sở**;

+ Số cơ sở dự kiến duy trì làm điểm sinh hoạt cụm dân cư hoặc phục vụ nhiệm vụ công cộng khác là **1.412 cơ sở**;

Đối với các công trình xuống cấp, không bảo đảm an toàn hoặc không còn nhu cầu sử dụng, UBND cấp xã phải đánh giá hiện trạng, đề xuất phương án sửa chữa, cải tạo, chuyển mục đích sử dụng, điều chuyển, tháo dỡ hoặc xử lý tài sản theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư công, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan; không tự ý cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, giao khoán hoặc sử dụng sai mục đích.

2. Phương án quản lý, khai thác sử dụng

Đối với Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa được lựa chọn làm điểm sinh hoạt chính của thôn, tổ dân phố mới, UBND cấp xã thực hiện bàn giao cho thôn, tổ dân phố mới quản lý, khai thác, sử dụng theo quy chế do cấp xã ban hành hoặc phê duyệt; bảo đảm phục vụ hoạt động chung của cộng đồng dân cư, sinh hoạt chính trị, văn hóa, thể thao, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tiếp xúc cử tri, hòa giải ở cơ sở, phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ công cộng khác.

Đối với Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa không được chọn làm điểm sinh hoạt chính nhưng còn khả năng sử dụng, ưu tiên bố trí làm điểm sinh hoạt cụm dân cư, điểm học tập cộng đồng, nơi tổ chức hoạt động văn hóa - thể thao, điểm tuyên truyền pháp luật, điểm sơ tán dân khi có thiên tai, kho lưu giữ trang thiết bị phòng chống thiên tai, địa điểm hoạt động của tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ hòa giải hoặc công năng công cộng khác phù hợp với nhu cầu của địa phương và quy định pháp luật.

Đối với tài sản, trang thiết bị, hồ sơ, sổ sách, nguồn quỹ, công nợ và các vật dụng gắn với Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa của thôn, tổ dân phố cũ, UBND cấp xã chỉ đạo kiểm kê, lập biên bản bàn giao đầy đủ cho thôn, tổ dân phố mới hoặc cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xác định rõ hiện trạng, giá trị, trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản và thời điểm bàn giao. Trường hợp có tranh chấp, thiếu hồ sơ hoặc phát sinh vướng mắc về tài sản, tài chính, UBND cấp xã kịp thời báo cáo Sở Tài chính và cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn xử lý.

Việc sử dụng các công trình sau sắp xếp phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; gắn trách nhiệm của UBND cấp xã, Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận và cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ, khai thác tài sản. Hằng năm, UBND cấp xã rà soát hiệu quả sử dụng, nhu cầu sửa chữa, nâng cấp, điều chỉnh công năng và tổng hợp vào kế hoạch đầu tư, bảo trì, quản lý tài sản công của địa phương.

UBND các xã, phường chịu trách nhiệm trực tiếp rà soát, lập danh mục, xác định phương án sử dụng, sắp xếp Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà văn hóa trên địa bàn; đưa nội dung này vào Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; thực hiện công khai phương án xử lý tài sản và hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng ngay sau khi thôn, tổ dân phố mới được thành lập.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Phương án này, Ủy ban nhân dân các xã, phường tiến hành xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Đề án theo Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo **hoàn thành trước ngày 30/6/2026**.

- Đối với các địa phương có thôn, tổ dân phố sau sắp xếp nhưng chưa đạt chuẩn về quy mô số hộ gia đình, hoặc có yếu tố đặc thù cần tiếp tục rà soát, có kế hoạch, giải pháp để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại trong giai đoạn 2027 - 2030,

đảm bảo đạt chuẩn theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác triển khai sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, đảm bảo theo kế hoạch và phương án tổng thể của Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá tiến độ, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ để theo dõi, chỉ đạo.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn đối với thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc thù theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 185/2026/NĐ-CP để các địa phương tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố đảm bảo theo quy định.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn xử lý tài sản, cơ sở vật chất, nhà văn hóa, thiết chế cộng đồng sau sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm bảo theo quy định.

4. Các sở, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện các nội dung công việc theo phân công tại Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo yêu cầu đề ra.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, C7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh